

Số: /TTr-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua “Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội khóa XIII;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, ban hành Nghị quyết về “Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030” cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.

- Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

- Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội.

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội.

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội về Luật (sửa đổi bổ sung theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội).

- Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.

- Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp.

## 2. Căn cứ thực tiễn

Thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và đạt được những kết quả tương đối tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em được chú trọng. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng giảm dần, năm 2010 là 19,9%, năm 2015 là 14,4% đến năm 2020 là 13,2%. Tỷ lệ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao năm 2010 là 30,3% năm 2015 là 27,8%, đến năm 2020 giảm xuống còn 25,2%. 100% trẻ em mồ côi, khuyết tật nặng, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo được trợ cấp thường xuyên và được miễn, giảm học phí. Số xã, phường, thị trấn được công nhận phù hợp với trẻ em tăng qua từng năm. Công tác chăm sóc đời sống văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí cho trẻ em được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Các thiết chế văn hóa, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em ngày càng được quan tâm, đầu tư. Công tác xã hội hóa về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE) được thực hiện hiệu quả, nhất là trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. 25 quyền của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em năm 2016 đều được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các em được phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác BVCSTE của tỉnh vẫn còn những hạn chế, bất cập cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới, đó là việc xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm bảo vệ trẻ em ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa có các biện pháp hiệu quả dẫn tới tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước trẻ em vẫn xảy ra với diễn biến phức tạp và nghiêm trọng; hệ thống cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế.

Sau 10 năm thực hiện, đến nay một số chỉ tiêu, mục tiêu của Nghị quyết 16 đã không còn phù hợp; một số căn cứ pháp lý của Nghị quyết 16 đối với công tác trẻ em hết hiệu lực. Chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE tại cấp xã và cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố còn nhiều bất cập.

Ngoài ra, để thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 về lĩnh vực BVCSTE trên địa bàn tỉnh cần có tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và huy động, vận động sự tham gia của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong toàn xã hội, gia đình và mỗi công dân trong việc đảm bảo thực hiện quyền trẻ em.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng cường thực hiện công tác BVCSTE giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là thực sự cần thiết để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả các chính sách, pháp luật về BVCSTE. Đồng thời tăng cường trách nhiệm hành động của các cấp chính quyền, các ngành và tập trung đầu tư nguồn lực để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2021- 2025. Thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh được phát triển toàn diện, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 11-NQ/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2021-2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X về “Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn 2050”.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp một cách đồng bộ để tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác BVCSTE, trong đó đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội trong việc bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật hiện hành trên địa bàn tỉnh.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

- Những nội dung của Nghị quyết phải đảm bảo cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác BVCSTE; bảo đảm chính sách, pháp luật về BVCSTE được quán triệt nghiêm túc và triển khai thực hiện đồng bộ để thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo sự kế thừa, phát huy những kết quả đạt được trong công tác triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; tập trung giải quyết những vấn đề có tác động lớn đến sự phát triển toàn diện của trẻ em như tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em, trẻ em bị tai nạn thương tích và tử vong do tai nạn thương tích, lao động trẻ em trái pháp luật, trong đó chú trọng các hoạt động để ngăn ngừa trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Đảm bảo các mục tiêu về thực hiện quyền trẻ em được đưa vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của các cấp, các ngành và địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện có hiệu quả các mục

tiêu, chỉ tiêu về công tác BVCSTE.

- Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư các nguồn lực đối với công tác BVCSTE phù hợp với tình hình, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sau khi xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và dự thảo Tờ trình, Đề án của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã gửi lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân. Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia góp ý; gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở đã chỉnh sửa, bổ sung để hoàn chỉnh các dự thảo văn bản và trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Ngày ..... tháng ..... năm 2021, đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì họp với các sở, ban, ngành liên quan để nghe và cho ý kiến về các văn bản dự thảo Nghị quyết. Trên cơ sở kết luận của chủ trì cuộc họp, Sở Lao động TB&XH đã tiếp tục nghiên cứu, bổ sung để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và trình UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng ...../2021.

Căn cứ kết luận của chủ trì cuộc họp, Sở Lao động TB&XH tiếp tục hoàn chỉnh các dự thảo văn bản trước khi tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh. Ngày ..... tháng ..... năm 2021, Ban Văn hóa - Xã hội tổ chức họp để thẩm tra dự thảo Nghị quyết, căn cứ vào Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh ban hành.

### **IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Bố cục của Nghị quyết có 02 phần**

- Phần 1: Căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết.
- Phần 2: Các quy định, bao gồm 03 Điều:
  - + Điều 1: Mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp chủ yếu.
  - + Điều 2. Tổ chức thực hiện.
  - + Điều 3. Điều khoản thi hành.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

## 2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

### Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9%.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 90%.

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 8,5; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 12%.

- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20 % vào năm 2020 và dưới 19% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95%.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2%.

- Chỉ tiêu 7: Phần đầu 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

### Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5%. 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4%.

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5%.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em.

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 100%.

### Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1%.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1%.
- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5%; phần đầu không còn trẻ em bỏ học bậc tiểu học vào năm 2025.
- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14%.
- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 95% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.
- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 55%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80%.
- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40%.

#### **Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.
- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.
- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30%.

### **2.3. Các chỉ tiêu phần đầu đến năm 2030**

#### **Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em**

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 84,6%.
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 95%.
- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 10; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 15.
- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 6%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống dưới 15%; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị.
- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 98% và duy trì tỷ lệ đối với trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin.
- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2%.
- Chỉ tiêu 7: Phần đầu đạt 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

## **Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em**

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 3,5%. 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 3,5%.

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4%.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 500/100.000; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 12/100.000.

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2 đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh 100%.

## **Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em**

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,3%.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,3%.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,8%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,1%.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98,5%; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở 0,04%.

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 95% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 60%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 90%.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 45%.

## **Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em**

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 35% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 90% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 35%.

## **2.4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### **a. Các nhiệm vụ chủ yếu**

- Tham mưu ban hành các văn bản và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác BVCSTE.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE trong đó ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em. Cụ thể:

- Kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy làm công tác trẻ em các cấp, đảm bảo năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; củng cố và duy trì mạng lưới cộng tác viên làm công tác BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố.

- Đảm bảo kinh phí và vận động sự tham gia của xã hội cho công tác trẻ em các cấp

+ UBND các cấp quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách để đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu về trẻ em và các nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác trẻ em. Chỉ đạo Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp đẩy mạnh hoạt động huy động, vận động nguồn quỹ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em, nhất là các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

+ Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách cho Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp tỉnh để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tiếp cho trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và tham gia các hoạt động khác hỗ trợ cho trẻ em phù hợp với quy định.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí của trẻ em, đảm bảo các dịch vụ kinh doanh đúng quy định của pháp luật và văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tích cực huy động, vận động sự tham gia hỗ trợ, đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Vận động nguồn lực và sự tham gia của xã hội. Tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em.

- Tăng cường quản lý, điều phối của các cơ quan nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em để ưu tiên hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới.

- Triển khai thực hiện và ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em



## b. Các giải pháp thực hiện

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào những vùng dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

- Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSTE vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em.

- Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác.

- Kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các cấp quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác Bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.

## V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí trong dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chủ động lập dự toán chi hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

1. Bố trí chức danh kiêm nhiệm công tác BVCSTE trong số những công chức, những người hoạt động không chuyên trách, viên chức thuộc quyền quản lý của Chủ tịch UBND cấp xã, được hưởng mức phụ cấp 0,250 mức lương cơ sở/người/tháng (372.500đ).

2. Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm nhiệm công tác BVCSTE tại các thôn, ấp, khu phố (hiện nay số lượng Cộng tác viên dân số toàn tỉnh là 1.658 người) được hưởng mức phụ cấp bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng (186.250đ).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Dự thảo Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; (3) Biểu tổng hợp kết quả lấy ý kiến góp ý đối với các dự thảo văn bản của Sở LĐTBXH; (4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (5) Các tài liệu có liên quan kèm theo).*

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**